

Hướng dẫn về Giá và Dịch Vụ UPS® Worldwide Economy

Việt Nam

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7, năm 2024



Mô tả Dịch vụ

UPS® WORLDWIDE ECONOMY

Dịch vụ UPS® Worldwide Economy là giải pháp thương mại điện tử giá rẻ dành cho các lô hàng xuyên biên giới không khẩn cấp xuất phát từ các quốc gia/lãnh thổ được chọn trong Khu vực Châu Á Thái Bình Dương đến các quốc gia/lãnh thổ được chọn với dịch vụ giao hàng cuối cùng thông qua mạng lưới Worldwide Economy. Đây là dịch vụ trọn gói với dịch vụ nhận hàng của UPS và dịch vụ giao hàng chặng cuối thông qua mạng lưới các đối tác đáng tin cậy của UPS.

Nhận hàng

Khách hàng có thể lựa chọn giao các lô hàng lẻ cho UPS để nhận hàng hoặc gửi hàng đến địa điểm xuất khẩu.

Giao hàng

Các lô hàng Worldwide Economy Delivered Duty Paid (DDP) sẽ được giao cho các nhà cung cấp dịch vụ phát hàng đáng tin cậy tại quốc gia đến để giao tới địa chỉ của người nhận.

Hướng dẫn Dịch vụ

UPS® WORLDWIDE ECONOMY

Thời gian và ngày giao hàng không được đảm bảo.

Giá cước UPS® Worldwide Economy không bao gồm thuế hoặc phí. Giá cước hiển thị trong hướng dẫn này áp dụng cho việc vận chuyển quốc tế bắt đầu từ khi UPS nhận hàng đến người nhận cuối cùng.

Dịch vụ DDP (Delivery Duties Paid):

Các gói hàng UPS® Worldwide Economy được vận chuyển theo hình thức DDP sẽ được giao hàng thông qua mạng lưới UPS® Worldwide Economy, bao gồm các nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng. Thuế, phí và chi phí thông quan áp dụng cho các gói hàng đó phải do người gửi thanh toán, ngoài các mức giá và các khoản phí khác áp dụng cho Dịch vụ UPS Worldwide Economy.

- Giới hạn trách nhiệm khai báo lên đến tương đương 100 Đô la Mỹ (USD) tại địa phương.
- Thời gian vận chuyển trung bình 5-8 ngày làm việc từ địa điểm xuất khẩu Worldwide Economy đến người nhận cuối cùng.
- Gói hàng có giá trị không vượt quá 800 USD (hoặc tiền tệ tại địa phương tương đương).
- Tất cả các gói hàng đều phải tuân theo công thức tính trọng lượng khối theo kích thước (L x W x H) / 5,000.
- Giới hạn kích thước và trọng lượng của gói hàng:
 - Chiều dài cộng với chu vi [(2 x chiều rộng) + (2 x chiều cao)] tối đa là 330 cm
 - Chiều dài (cạnh dài nhất) tối đa là 122 cm
 - Trọng lượng tối đa là 30 kg

Vui lòng tham khảo Điều khoản Dịch vụ UPS® Worldwide Economy để biết thêm thông tin.

Phí thông quan hàng hóa giá trị cao

Quốc gia	Ngưỡng thông quan giá trị cao	Phí thông quan hàng hóa giá trị cao (Tính bằng VND)
HOA KỲ	USD 800	VND 1,850,500

Phí thông quan hàng hóa giá trị cao sẽ được áp dụng cho một gói hàng nếu giá trị gói hàng vượt quá Ngưỡng thông quan giá trị cao theo loại tiền tệ liên quan được liệt kê trong bảng trên. Thuế suất và thuế thực tế dựa trên loại hàng hóa và không được phản ánh trong bất kỳ mức giá hoặc phí vận chuyển UPS Economy nào ở trên.

Khi sử dụng công cụ Landed Cost Calculator, một khoản phí là 10% dựa trên tổng số thuế và phí đã được tính toán sẽ được tính phí. Khoản phí này sẽ được bao gồm trong hóa đơn của khách hàng.

Giá trị gói hàng, yếu tố xác định liệu Phí thông quan hàng hóa giá trị cao có được tính phí theo mô tả ở trên hay không, được tính toán tại các quốc gia này dựa trên giá trị hàng hóa trong gói hàng, cộng với chi phí vận chuyển và bảo hiểm của gói hàng.

Các phụ phí khác

Phụ phí	Mức phí (VND)
Phụ phí Xử lý	Tham khảo Hướng dẫn về giá và dịch vụ UPS®
Phụ phí Lỗi sai địa chỉ	22,031 VND mỗi gói hàng
Phí Biến Động	Hiện tại không áp dụng cho các gói hàng UPS Worldwide Economy
Phí nhập dữ liệu Tất cả các gói hàng nhận được yêu cầu nhập dữ liệu thủ công cho mục đích truyền điện tử trong trường hợp khách hàng không truyền dữ liệu thông qua quy trình End of Day hoặc hệ thống vận chuyển được chấp thuận hoặc nếu nhãn Worldwide Economy bị thiếu	23,500 VND mỗi gói hàng
Phụ phí Nhiên liệu Chỉ áp dụng cho các gói hàng DDP. Phụ phí nhiên liệu áp dụng cho tất cả các gói đến tất cả các điểm đến. Số tiền phụ phí là tỷ lệ phần trăm của giá cước vận chuyển cho mỗi gói hàng.	5% giá cước vận chuyển
Phụ phí gói hàng có kích thước lớn	Tham khảo Hướng dẫn về giá và dịch vụ UPS®
Phí từ chối thu tiền của Người nhận Hóa đơn/Bên Thu cước vận chuyển	Tham khảo Hướng dẫn về giá và dịch vụ UPS®

Phụ Phí Khu Dân Cư, Phụ Phí Free Domicile, và Phí Trả Trước Thuế Nhập Khẩu không áp dụng cho các lô hàng DDP. Tất cả các gói hàng vượt quá giới hạn trọng lượng hoặc kích thước tối đa, như đã nêu ở đây, đều phải chịu thêm phụ phí.

Các khoản phí hoặc giá cước khác cho dịch vụ phi tiêu chuẩn, mức sử dụng bổ sung hoặc phi tiêu chuẩn, và bất kỳ khoản phí bổ sung hoặc phụ phí hiện hành nào khác được áp dụng như đã hướng dẫn theo [Hướng dẫn về giá và dịch vụ UPS](#) hiện hành.

Xuất khẩu

UPS® WORLDWIDE ECONOMY

Quốc gia/Vùng lãnh thổ xuất	Việt Nam	Quốc gia/Vùng lãnh thổ xuất	Việt Nam
Quốc gia/Vùng lãnh thổ đến	Hoa Kỳ*	Quốc gia/Vùng lãnh thổ đến	Hoa Kỳ*
Trọng lượng theo Kgs (lên đến)	Vùng 7	Trọng lượng theo Kgs (lên đến)	Vùng 7
0.1	VND 308,338.80	6	VND 4,939,441.50
0.2	VND 616,677.60	7	VND 5,473,573.00
0.3	VND 925,016.40	8	VND 5,986,813.00
0.4	VND 1,233,355.20	9	VND 6,388,357.50
0.5	VND 1,541,694.00	10	VND 6,721,470.00
0.6	VND 1,607,230.80	11	VND 6,941,242.00
0.7	VND 1,672,767.60	12	VND 7,162,823.50
0.8	VND 1,738,304.40	13	VND 7,327,652.50
0.9	VND 1,803,841.20	14	VND 7,439,348.00
1	VND 1,869,378.00	15	VND 7,547,260.00
1.1	VND 1,934,487.10	16	VND 7,657,146.00
1.2	VND 1,999,596.20	17	VND 7,768,841.50
1.3	VND 2,064,705.30	18	VND 7,880,701.50
1.4	VND 2,129,814.40	19	VND 7,992,397.00
1.5	VND 2,194,923.50	20	VND 8,102,283.00
1.6	VND 2,258,946.90	21	VND 8,352,981.00
1.7	VND 2,322,970.30	22	VND 8,750,742.00
1.8	VND 2,386,993.70	23	VND 9,148,503.00
1.9	VND 2,451,017.10	24	VND 9,546,264.00
2	VND 2,515,040.50	25	VND 9,944,025.00
2.5	VND 2,844,534.00	26	VND 10,341,786.00
3	VND 3,157,084.00	27	VND 10,739,547.00
3.5	VND 3,467,660.00	28	VND 11,137,308.00
4	VND 3,780,210.00	29	VND 11,535,069.00
4.5	VND 4,092,760.00	30	VND 11,932,830.00
5	VND 4,405,310.00		
Các lô hàng UPS® Worldwide Economy nặng trên 30 kgs			
Quốc gia/Vùng lãnh thổ xuất	Việt Nam		
Quốc gia/Vùng lãnh thổ đến	Hoa Kỳ*		
Trọng lượng theo Kgs (lên đến)	Vùng 7		
Giá mỗi Kg.	VND 397,761.00		
Tối thiểu	VND 11,932,830.00		
Tất cả tiền tệ trong bảng này được liệt kê bằng VND			
*chỉ bao gồm 48 tiểu bang của Hoa Kỳ. Không bao gồm Hawaii và Alaska			